

Bản án số: 67/2024/ST – HNGĐ
Ngày 29 tháng 5 năm 2024
“V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Thành và ông Võ Trọng Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Linh Chi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST – HNGĐ ngày 28/2/2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị H** – Sinh năm: 1999 – Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Anh Trần Văn T** – Sinh năm: 1986 – Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã Lĩnh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* **Bà Trần Thị K** – Sinh năm: 1958 - Trú tại: Thôn 3, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H trình bày:*

Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Ngoài ra anh T còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bỏ mặc gia đình vợ con. Do đó, giữa 2 vợ chồng xảy ra tranh cãi,

mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn chị H đã nhiều lần khuyên bảo, động viên và tạo cơ hội cho anh T sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị H đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T có 1 người con chung là Trần Quỳnh N – Sinh ngày 06/11/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung ở với chị Lê Thị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt, tuy nhiên thông qua bà Trần Thị K là mẹ đẻ của anh T, anh Thanh có ý kiến như sau:

Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H nhưng do anh T làm việc ở xa nên không có điều kiện về Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Trần Thị K vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà K đã trình bày:

Anh Trần Văn T là con trai của bà, chị Lê Thị H là con dâu của bà. Anh T và chị H kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng anh T và chị H sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Khi ly thân chị H về nhà cha mẹ đẻ ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống, còn anh T ở nhà cùng với gia đình bà một thời gian sau đó đi vào tỉnh Bình Dương làm ăn nhưng không nói rõ địa chỉ ở đâu. Từ khi anh T đi làm ăn đến nay chưa về nhà, còn bình thường liên lạc với gia đình qua điện thoại. Việc chị H yêu cầu ly hôn thì anh T có biết vì khi làm thủ tục ly hôn thì H có gọi điện thoại cho T và khi Tòa án có giao giấy tờ liên quan đến việc ly hôn cho anh T bà K đã nhận và đều thông báo cho anh T biết. Sau khi biết thông tin chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, do làm việc ở xa nên không có điều kiện để về giải quyết vụ án được. Nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và cho anh T được vắng mặt. Về nuôi con chung: Vợ chồng anh T và chị H có 1 người con chung là Trần Quỳnh N – Sinh ngày 06/11/2014. Từ khi ly thân đến nay con ở với chị H. Nay ly hôn anh T đồng ý để con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ: Anh T và chị H không có tài sản chung gì và không nợ ai.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Xử: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T; Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quỳnh N – Sinh ngày 06/11/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Không; Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị H và anh T cho bà K là mẹ của anh T nhận và bà K đã báo lại cho anh T biết. Mặc dù anh T có biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh T không có mặt và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc cho chị H và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, còn chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau, chị H đã nhiều lần khuyên bảo, động viên và tạo cơ hội cho anh T sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị H đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Trần Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T không về Tòa án để giải quyết nhưng thông qua bà Trần Thị K là mẹ của anh T thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị H và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là đồng ý ly hôn với chị H.

[2.2]. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị H và anh T có 1 người con chung là Trần Quỳnh N – Sinh ngày 06/11/2014. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, anh T cũng thống nhất để con chung cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228;

khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2. Tuyên xử:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2.2 Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quỳnh N – Sinh ngày 06/11/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng T.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai ngày 28/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L, huyện A,
- tỉnh Nghệ An (Nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng